TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 8 - 2020
Về việc: Tranh chấp Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua - Nguyên Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ.

2. Ông Nguyễn Đông Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phương Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 31/12/2019 về việc: "*Tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2020/QĐST-DS ngày 20/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Giang H, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp 05, xã Đ, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp 05, xã Đ, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Giang H trình bày: Vào năm 2015,

giữa chị và bị đơn anh Đỗ Văn Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì anh chị sinh sống tại ấp 03, xã Đ, huyện V, tỉnh H, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, nên anh chị đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn; anh chị có 01 con chung là Đỗ Quốc V (nam), sinh ngày 08/02/2014, hiện nay đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng theo quy định; về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, chị H rút lại việc yêu cầu anh Qcấp dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Văn Q mặc dù nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 05/6/2019; bản sao giấy khai sinh; bản photo giấy chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu phô tô, giấy chứng nhận kết hôn, quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân; thông báo nộp tiền tạm ứng án phí; biên lai thu tạm ứng án phí; thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản giao nhận văn bản tố tụng; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản không tiến hành hòa giải được; quyết định phân công Kiểm sát viên; quyết định đưa vụ án ra xét xử; biên bản phiên tòa, biên bản thảo luận, Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị H với anh Qđược ly hôn; về con chung giao cho chị H nuôi dưỡng, anh Qchưa phải cấp dưỡng; về nợ chung và tài sản chung không có, nên không xem xét; án phí chị H phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền: Do bị đơn anh Đỗ Văn Q đang sinh sống tại ấp 03, xã Đ, huyện V, tỉnh H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Giang H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Văn Q, chị H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng, nên tranh chấp giữa anh chị thuộc trường hợp: "*Tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Đối với bị đơn anh Đỗ Văn Q, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Vào ngày 28/5/2015, giữa chị H và anh Qxác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh Qđăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh H; thời điểm đăng ký kết hôn, chị H và anh Qđủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị H và anh Q chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, đến cuối năm 2018 thì ly thân cho đến nay; trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Q nhiều lần, nhằm tạo điều kiện để anh chị xóa bỏ mâu thuẫn, trở về đoàn tụ, tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nhưng anh Q không hợp tác. Xét thấy, thời gian anh chị ly thân đã lâu, thể hiện việc không còn sự quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ.

[4] Về con chung, giữa chị H và anh Q có 01 con chung là Đỗ Quốc V (nam), sinh ngày 08/02/2014, hiện nay đang sống chung với chị H. Xét thấy, từ khi anh chị ly thân cho đến nay, cháu Vinh do chị H nuôi dưỡng, thời gian chị H nuôi dưỡng cháu V cũng khá dài. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu V, nên tiếp tục giao cháu V cho chị H nuôi dưỡng là có căn cứ. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng: Trong đơn khởi kiện chị H yêu cầu anh Q cấp dưỡng theo quy định. Tại phiên tòa, chị H tự nguyện rút lại yêu cầu anh Q cấp dưỡng, qua phân tích nhưng chị H vẫn giữ nguyên việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Đây là sự tự nguyện và định đoạt của đương sự, nên chưa xem xét; sau khi ly hôn nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn thì chị H có quyền khởi kiện yêu cầu anh Qcấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung: Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, chị H xác định anh chị không nợ ai, cũng không có ai nợ anh chị; tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Về phía anh Quốc, mặc dù đã nhận các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không có ý kiến gì, coi như anh không chứng minh.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chị H là nguyên đơn trong vụ án. Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*". Căn cứ vào quy định của pháp luật viện dẫn trên, thì chị H phải chịu án phí. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, Điều 93, Điều 94, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 97, Điều 98, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Áp dụng: các Điều 51, 54, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Giang H.

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Trần Thị Giang H và anh Đỗ Văn Q được ly hôn.

2. *Về con chung*: Giao cháu Đỗ Quốc V, sinh ngày 08/02/2014 cho chị Trần Thị Giang H được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đỗ Văn Q chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung*: Không có nên không đề cập đến;

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Trần Thị Giang H phải nộp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000874 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí sơ thẩm, chị H không phải nộp thêm.

5. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang;
- Viện kiểm sát huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA DS huyện Vị Thủy;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Cổng TTĐT (để công bố);

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng